

- Các Bộ chuyên ngành căn cứ tình hình hướng dẫn cụ thể về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của ngành.

Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, Ủy ban Nhân dân tỉnh có văn bản gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ chuyên ngành xem xét giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

K.T. Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thủ trưởng

NGUYỄN QUANG HÀ

K.T. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thủ trưởng

VÕ HỒNG PHÚC

KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - NGOẠI GIAO

THÔNG TƯ liên Bộ số 11-BKH/NG ngày 31-12-1996 hướng dẫn thủ tục xác nhận nguồn gốc Việt Nam và lý lịch tư pháp của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư về Việt Nam theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

Để tạo điều kiện cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm thủ tục xác nhận nguồn gốc Việt Nam và lý lịch tư pháp để đầu tư về Việt Nam theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước đã được quy định tại Nghị định số 29-CP ngày 12-5-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngoại giao hướng dẫn như sau:

Điều 1.- Xác nhận nguồn gốc Việt Nam:

1.1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài nói tại Điều 2 Nghị định số 29-CP ngày 12-5-1995 bao gồm người có quốc tịch Việt Nam định cư ở nước ngoài và người gốc Việt Nam có quốc tịch nước khác.

Đối với những người còn mang hộ chiếu hợp lệ của Việt Nam thì không cần có xác nhận nguồn

gốc Việt Nam. Trong trường hợp đương sự chỉ có hộ chiếu nước ngoài thì phải được một trong những cơ quan sau đây xác nhận có nguồn gốc Việt Nam:

a) Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài;

b) Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài;

c) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mà người có nguồn gốc Việt Nam mang hộ chiếu.

1.2. Người xin xác nhận nguồn gốc Việt Nam tại một trong các cơ quan của Việt Nam quy định tại điểm a và b Khoản 1.1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện và thủ tục sau đây:

a) Có đơn xin xác nhận nguồn gốc Việt Nam;

b) Xuất trình một trong các giấy tờ hợp lệ (kể cả những giấy tờ cấp trước năm 1975) như: giấy khai sinh, chứng minh thư, thẻ căn cước, sổ đăng ký hộ khẩu (hoặc sổ gia đình), giấy chứng nhận kết hôn, hộ chiếu cũ v.v... chứng minh bản thân hiện nay hoặc đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc có cha hoặc mẹ là người hiện nay hoặc đã từng có quốc tịch Việt Nam;

c) Có hộ chiếu nước ngoài hợp lệ.

Điều 2. - Xác nhận lý lịch tư pháp:

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (gồm cả người mang hộ chiếu Việt Nam và người chỉ có hộ chiếu nước ngoài) về nước đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước phải có:

a) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nơi người đó định cư về việc trong thời gian sinh sống ở nước đó bản thân không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không phải là người đã bị kết án mà chưa được xóa án và hiện nay không bị cấm quyền kinh doanh theo bản án của Tòa án nước ngoài;

b) Bản cam kết trong thời gian sinh sống ở Việt Nam (kể cả trước khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài và khi về nước ngắn hạn) bản thân không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không phải là người đã bị kết án mà chưa được xóa án và hiện nay không bị cấm quyền kinh doanh theo bản án của Tòa án Việt Nam.

Điều 3.- Các giấy tờ xác nhận nguồn gốc Việt Nam và lý lịch tư pháp do nước ngoài cấp hoặc xác nhận nói tại điểm c Khoản 1.1 Điều 1 và điểm a Điều 2 của Thông tư này phải được cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam hợp pháp hóa. Các giấy tờ này phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Việt Nam chứng nhận.

Điều 4.- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam phải cấp giấy xác nhận nguồn gốc người Việt Nam hoặc phải hợp pháp hóa các giấy tờ xác nhận nguồn gốc Việt Nam và lý lịch tư pháp do nước ngoài cấp hoặc xác nhận.

Điều 5.- Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế những quy định có liên quan đến việc xác nhận nguồn gốc Việt Nam và lý lịch tư pháp tại Thông tư số 2-BKH/DN ngày 30-1-1996 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 29-CP ngày 12-5-1995 về thủ tục đầu tư trực tiếp tại Việt Nam của người Việt Nam định cư ở nước ngoài và của người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam.

K.T. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Thứ trưởng

NGUYỄN DUY NIÊN

K.T. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thứ trưởng

VÕ HỒNG PHÚC

TỔNG CỤC HẢI QUAN - BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên Bộ số 15-TTLB/ TCHQ/TC ngày 28-1-1997 hướng dẫn việc in ấn, cấp phát, quản lý và sử dụng ấn chỉ ngành Hải quan.

Căn cứ Pháp lệnh Kế toán thống kê ngày 20 tháng 5 năm 1990;

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 840-KTTH ngày 24-2-1996 về việc in ấn, phát hành, quản lý và thanh quyết toán ấn chỉ của ngành Hải quan, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện cụ thể như sau.

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm nhận các loại biên lai thu thuế, thu tiền, thu phí, lệ phí, giấy nộp tiền... ở Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính để cấp phát sử dụng đúng chức năng, nội dung của từng loại chứng từ theo nhiệm vụ được giao của ngành Hải quan.

2. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức in ấn, phát hành và quản lý sử dụng các loại ấn chỉ dùng để phục vụ cho việc quản lý thu thuế và các loại thu khác liên quan đến quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hoạt động nghiệp vụ của ngành Hải quan theo đúng Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Pháp lệnh Kế toán thống kê (có danh mục các loại ấn chỉ kèm theo).

3. Việc quản lý các loại ấn chỉ thuế được cấp phát và ấn chỉ của ngành Hải quan, Tổng cục Hải quan phải thực hiện theo đúng Pháp lệnh Kế toán thống kê của Nhà nước và Chế độ quản lý ấn chỉ thuế ban hành theo Quyết định số 529-TC/QĐ ngày 22-12-1992 của Bộ Tài chính.

4. Bộ Tài chính cấp phát kinh phí in ấn chỉ hàng năm cho Tổng cục Hải quan theo nhu cầu sử dụng các loại ấn chỉ trong công tác nghiệp vụ của ngành Hải quan.

B. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC IN ẤN, PHÁT HÀNH

1. Kế hoạch in ấn các loại ấn chỉ của ngành Hải quan hàng năm, Tổng cục Hải quan căn cứ vào nhu cầu sử dụng của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, tổng hợp kế hoạch hiện vật và kinh phí của năm sau, báo cáo gửi Bộ Tài chính chậm nhất vào ngày 15 tháng 10 của năm báo cáo để Bộ Tài chính cấp phát các loại ấn chỉ và kinh phí in ấn theo dự toán năm được duyệt.

Đối với các loại ấn chỉ bán thu tiền, căn cứ vào kế hoạch sử dụng, Bộ Tài chính cấp kinh phí một lần luân chuyển cho các năm sau. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm bảo toàn vốn đã được cấp và thực hiện thanh quyết toán hàng năm với Bộ Tài chính.

Nếu nhu cầu sử dụng ấn chỉ tăng so với kinh phí được duyệt do thay đổi chính sách nên phải thay đổi nội dung, chất lượng, mỹ thuật của các loại ấn chỉ, Tổng cục Hải quan lập dự toán bổ sung gửi Bộ Tài chính để có căn cứ cấp phát kinh phí kịp thời.

2. Các loại mẫu ấn chỉ thuộc phạm vi được phép in của ngành Hải quan phải có ký hiệu riêng do Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan duyệt. Để ngăn chặn làm giả, lợi dụng trốn lậu thuế, một số loại ấn chỉ phải được đóng thành quyển có số nhảy quyển, số nhảy số và sê-ri do Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định.

3. Để quản lý các loại ấn chỉ được an toàn, ấn chỉ của ngành Hải quan chỉ được in ở các nhà in có đủ tư cách pháp nhân và được Tổng Cục